TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆTNAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 184/2018/ HNGĐ-ST
Ngày: 30- 5-2018
V/v: Tranh chấp, xin ly hôn
giữa bà M với ông H

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Thế Minh

-*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Cư

2. Bà Võ Thị Lan

- ***Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Dương Thị Mộng Thu- thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa:*** Không tham gia

Ngày 30 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu mở phiên Tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2018/TLST – HNGĐ ngày 26/3/2018.về việc "Tranh chấp, ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/ 2018/ QĐXXST- HNGĐ ngày 08/5/2018 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Thu M, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: Số 01, tổ 14, Lý Tự Trọng, khóm Long Thạnh A, phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (có mặt);

- *Bị đơn:* Ông Lê Hoàng H, sinh năm 1970, địa chỉ cư trú, tổ 11, ấp Long Hiệp, xã Long An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của bà Võ Thị Thu M đề ngày 09/3/2018 và bản tự khai của ông Lê Hoàng H cũng như tại phiên tòa hôm nay thể hiện như sau:

Về hôn nhân: Bà Võ Thị Thu M với ông Lê Hoàng H tự tìm hiểu yêu nhau được cha mẹ hai bên đồng ý và có tổ chức lễ cưới vào năm 1994 nhưng hai người không có đăng ký kết hôn, sau khi cưới nhau hai người sống rất hạnh phúc đến năm 2014 thì hai người thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và hai người đã không còn sống chung từ đó cho đến nay.

Theo bà M thì vào đầu năm 2018 bà đã có gửi đơn đến Tòa án xin ly hôn với ông H, nhưng do Tòa án động viên nên bà đã rút đơn kiện và được Tòa án đình chỉ bằng quyết định số 52/2018 ngày 01/02/2018. Nay bà M cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, sống không có hạnh phúc bà M xin được ly hôn với ông H.

Ông Lê Hoàng H cho rằng hai người không còn sống chung mới từ năm 2017 đến nay, ông H cho rằng ông còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn với bà M mà yêu cầu được đoàn tụ lại.

Về con chung: Bà Võ Thị Thu M với ông Lê Hoàng H thống nhất trong thời gian chung sống hai người có với nhau được hai đứa con chung tên Lê Võ Hoàng K, sinh ngày 1994(đã trưởng thành) và Lê Hoàng Bảo T, sinh ngày 29/7/2002, hiện sống chung với cha mẹ. Khi ly hôn bà M với ông H đều yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu bên còn lại cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Giữa bà Võ Thị Thu M với ông Lê Hoàng H thống nhất tự thương lượng phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Bà Võ Thị Thu M với ông Lê Hoàng H thống nhất hai người không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ vụ án được công bố thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử (sau đây gọi HĐXX) xét thấy:

[1]Vê áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là vụ án "tranh chấp ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung: Sự kiện pháp lý xảy ra, theo đơn khởi của bà Võ Thị Thu M đề ngày 09/3/2018 xin ly hôn với ông Lê Hoàng H vì vậy cần áp dụng luật hôn nhân gia đình năm 2014 để giải quyết vụ án.

Về nội dung:

[3]. Về hôn nhân: Theo trình bày cũng như thừa nhận của đôi bên thể hiện bà Võ Thị Thu M với ông Lê Hoàng H tự tìm hiểu yêu nhau được cha mẹ hai bên đồng ý và có tổ chức lễ cưới vào năm 1994 nhưng hai người không có đăng ký kết hôn, sau khi cưới nhau hai người sống rất hạnh phúc đến năm 2014 thì hai người thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và hai người đã không còn sống chung từ đó cho đến nay.

Qua trình bày của bà M với ông H cho thấy, khi bà M với ông H tổ chức lễ cưới khi đó hai người đã đủ điều kiện để đăng ký kết hôn, do bà M với ông H không đăng ký kết hôn, theo quy định của pháp luật thì bà M với ông H không có đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là hôn nhân. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ giữa bà M với ông H không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ vợ chồng, mặc dù bà M xin được ly hôn, ông H cho

rằng vẫn còn thương bà M, nhưng vẫn không được pháp luật đặt ra để xem xét. Do đó, HĐXX nghĩ nên tuyên bố không công nhận giữa bà M với ông H là vợ chồng là phù hợp quy định của pháp luật.

[4]. Về con chung: Bà Võ Thị Thu M với ông Lê Hoàng H thống nhất trong thời gian chung sống hai người có với nhau được hai đứa con chung tên Lê Võ Hoàng K, sinh ngày 1994(đã trưởng thành) và Lê Hoàng Bảo T, sinh ngày 29/7/2002, hiện sống chung với cha mẹ. Nay bà M với ông H đều yêu cầu được nuôi con. Xét thấy bà M với ông H đều có đủ điều kiện để nuôi con, theo nguyện vọng của cháu Bảo T muốn được sống với bà M và hiện tại cháu Bảo T cũng đang trong trương trình học trung học phổ thông, hiện tại cháu đang trong trạng thái học ổn định, học bình thường. Tại phiên tòa hôm nay ông H thống nhất tự nguyện giao cháu Bảo T cho bà M được quyền nuôi dưỡng, do đó, HĐXX nên công nhận sự thỏa thuận tự nguyện này của ông H giao cháu Bảo T cho bà M được tiếp tục nuôi dưỡng là hợp lý. Riêng cháu Hoàng K đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

" Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con; ông H có quyền đến thăm nom con chung, không ai được cản trở; cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng sấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó"

Bà M tự nguyện nuôi con mà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con, sự tự nguyện này của bà M là phù hợp pháp luật nên được HĐXX công nhận.

[5]. Về tài sản chung: Giữa bà Võ Thị Thu M với ông Lê Hoàng H thống nhất tự thương lượng phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó HĐXX không đặt ra giải quyết.

[6]. Về nợ chung: Bà Võ Thị Thu M với ông Lê Hoàng H thống nhất hai người không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó HĐXX không đặt ra để giải quyết.

[7]Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Võ Thị Thu M là nguyên đơn, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại điểm a khoản 5 Điều 27 nghị Quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về án phí và lệ phí Tòa án thì bà M phải chịu 300.000 đồng, bà M được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0004520 ngày 20/3/2018 của chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 14, 81,82,83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: không công nhận giữa bà Võ Thị Thu M với ông Lê Hoàng H là vợ chồng.

2. Về con chung: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bà M với ông H giao cháu Lê Hoàng Bảo T, sinh ngày 29/7/2002 cho bà Võ Thị Thu M được tiếp tục nuôi dưỡng. Công nhận sự tự nguyện của bà M tự nguyện nuôi con mà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

" Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con; ông H có quyền đến thăm nom con chung, không ai được cản trở; cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng sấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó"

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4.Về nợ chung: Không có

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Võ Thị Thu M phải chịu 300.000 đồng, bà M được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0004520 ngày 20/3/2018 của chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
-TA tỉnh An Giang;
-VKSND tỉnh An Giang;
-VKSND thị xa Tân Châu;
-THA thị xã Tân Châu;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ;
-Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN– CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thế Minh